

CÓ MỘT BÀI THƠ HAY VỀ TIẾNG VIỆT

There is an interesting poem about Vietnamese

TRỊNH ĐỨC HIỀN

(PGS. TS; Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: Luu Quang Vu is a famous poet and playwright. In the poetic field, he wrote "Tiếng Việt". This is an interesting poem about Vietnamese.

The purpose of the paper is to make a description and an analysis in using images, sounds... in the poem. Especially, the paper cites many compound words, reduplicatives and idioms to instance and enable us to be more aware of the beauty of Vietnamese.

Besides, exploring this poem in particular and Vietnamese in general in order to understand, love and use Vietnamese is a way of contributing to keeping the clearness of Vietnamese and national cultural identities of Vietnamese.

Key words: Luu Quang Vu; Vietnamese; poem; compound word; idiom; Trinh Duc Hien.

1. Tiếng Việt là tiếng nói của dân tộc Việt (còn gọi là dân tộc Kinh) đồng thời cũng là ngôn ngữ quốc gia Việt Nam. Tiếng nói ấy đã vang lên từ "Nam quốc sơn hà" (Lí Thường Kiệt) đến "Hịch tướng sĩ" (Trần Hưng Đạo), từ "Bình Ngô đại cáo" (Nguyễn Trãi) đến "Tuyên ngôn độc lập" của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 2 tháng 9 năm 1945 ở quảng trường Ba Đình, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ngoài hơn 80 triệu dân trong nước nói tiếng Việt, hiện nay, tiếng Việt còn được sử dụng ở nhiều quốc gia trên thế giới - nơi có hơn 4 triệu người Việt Nam đang sinh sống, làm việc và học tập. Nhiều bà con Việt kiều đã không khỏi rung rung xúc động khi nghe câu nói quen thuộc: "Đây là tiếng nói Việt Nam phát thanh từ Hà Nội, thủ đô nước Việt Nam dân chủ cộng hòa" trên Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam. Và ở những nơi xa xôi trên thế giới, trong lòng họ lại trào dâng nỗi nhớ quê cha đất tổ, nhớ về tiếng Việt... Tiếng Việt hiện nay cũng được nhiều người nước ngoài quan tâm, học tập để tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, đất nước, con người Việt Nam và mở rộng giao lưu, làm ăn, buôn bán với Việt Nam.

Về tiếng Việt, từ trước đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu dưới góc độ ngôn ngữ

học. Trong lĩnh vực thơ ca, nhiều nhà thơ cũng có những vần thơ nói về tầm quan trọng cũng như về cái hay, cái đẹp của tiếng Việt.

Trong trường ca "Mặt đường khát vọng", nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã viết những câu thơ đầy tự hào về đất nước, giống nòi và ngôn ngữ dân tộc: *Có biết bao người con gái con trai/ Trong bốn nghìn lớp người giống ta lứa tuổi (...)/ Họ truyền **giọng điệu** mình cho con tập nòi/ Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân.* Nhà thơ Lê Anh Xuân, khi chiến đấu ở chiến trường miền Nam đã rất bồi hồi khi được nghe tiếng nói của dân tộc trên Đài phát thanh, từ miền Bắc yêu thương: *Tôi lắng nghe tim tôi đập vội/ "Đây là **tiếng nói** Việt Nam"* (Gửi miền Bắc). Và nhà thơ - chiến sĩ ấy đã xác định rõ lí tưởng cách mạng của đời mình là phải tiếp bước cha ông, bảo vệ và xây dựng nước non này: *Nghe như **tiếng** của cha ông dựng nước/ Truyền cháu con phải **ngẩng** cao mà bước* (Nhớ mưa quê hương). Tiếng nói ấy có sức mạnh đánh đuổi kẻ thù từ hàng ngàn năm trước: *Bốn ngàn năm **nằm** gai **nằm** mật/ Một **tắc** lòng cũng **trúng** **Áu Cơ**/ Một **tiếng** **nói** cũng **đầy** **hồn** **Thánh Gióng*** (Trần Vàng Sao, Bài thơ của một người yêu nước mình). Và đến thời đại Hồ Chí Minh, một bản Tuyên

ngôn độc lập bằng tiếng Việt đã vang lên, tuyên bố với toàn thế giới về quyền tự do, độc lập của dân tộc và đất nước Việt Nam: *Cùng anh em cất cao tiếng nói/ Bản Tuyên ngôn mười bốn triệu người đòi độc lập tự do.* (Trần Vàng Sao, Bài thơ của một người yêu nước mình). Tiếng nói ấy cũng sống mãi trong ca dao, dân ca, tục ngữ; hiện thân trong những câu hò, điệu lí... trường tồn cùng đất nước, quê hương: *Nước băng khuâng những chuyến đò/ Đêm đêm còn vọng câu hò Trương Chi.* (Nguyễn Đình Thi, Quê hương Việt Nam). Đặc biệt, tiếng Việt đã trở thành một thứ "nguyên liệu" bền đẹp để tạo nên một lâu đài nguy nga, tráng lệ bằng ngôn từ. Đó là Truyện Kiều của thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới - Nguyễn Du.

2. Có thể nói, còn rất nhiều, rất nhiều những câu thơ của các tác giả nói về cái hay, cái đẹp của tiếng Việt. Tuy nhiên, có lẽ Lưu Quang Vũ là người đầu tiên có cả một bài thơ dài ngợi ca tiếng Việt. Chúng ta đều biết, Lưu Quang Vũ là nhà viết kịch nổi tiếng đồng thời cũng là nhà thơ trữ tình với nhiều bài thơ hay như "Vườn trong phố", "Bầy ong trong đêm sâu", "Mây trắng của đời tôi", "Và anh tồn tại"... Đặc biệt, "Tiếng Việt" là bài thơ để lại nhiều ấn tượng khó quên trong lòng độc giả. Bài thơ gồm 60 câu, chia thành 15 khổ, mỗi khổ có 4 câu, mỗi câu gồm 7,8 tiếng, thường là 8 tiếng. Đây là một trong số rất ít những bài thơ viết về tiếng Việt từ trước đến nay.

Tiếng Việt có 6 thanh điệu. Nét độc đáo này của tiếng Việt được Lưu Quang Vũ diễn tả bằng những câu thơ đầy nhạc tính sau đây: *Tiếng tha thiết, nói thường nghe như hát/ Kể mọi điều bằng riu rít âm thanh/ Như gió nước không thể nào nắm bắt/ Dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh.* Tiếp tục cảm hứng ngợi ca ấy, tác giả đã miêu tả tiếng Việt ở các dạng âm thanh, với các sắc thái, cung bậc khác nhau. Những âm thanh ấy, ở mỗi thời điểm, hoàn cảnh khác nhau lại có những biểu hiện khác nhau.

Trong cuộc sống, tiếng nói của con người, đặc biệt là những người thân yêu, ruột thịt luôn là cầu nối tình cảm giữa con người với con người: *Tiếng mẹ gọi trong hoàng hôn tím sẫm; Tiếng gọi đò sông vắng bến lau khuya; Tiếng cha dặn khi vun cánh nhúm lửa.* Đó cũng là những âm thanh của cuộc sống lao động đầy gian lao, vất vả của cha ông ta: *Tiếng kéo gỗ nhọc nhằn trên bãi vắng; Tiếng lựa xé đau lòng thoi sợi trắng.* Đó còn là những âm thanh của thiên nhiên: *Tiếng đập dồn nước lũ xoáy chân đê; Tiếng mưa dội ào ào trên mái cọ; Nghe mát lịm ở đầu môi tiếng suối; Tiếng heo may gọi nhớ những con đường.*

Khi đất nước lâm nguy trước nạn ngoại xâm thì đó là tiếng nói đấu tranh "*suốt ngàn đời lửa cháy*", là tiếng nức nở của "*Nàng Mỹ Châu quỳ xuống lạy cha già*". Và lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc, dù có lúc thành lúc bại, có những mảng tối, sáng khác nhau, nhưng dân tộc Việt Nam vẫn tồn tại và điều đó có nghĩa là tiếng Việt vẫn trường tồn: *Tiếng chẳng mất khi Loa Thành đã mất.* Đó cũng là "tiếng tủi cực" của những "kẻ ăn cầu ngủ quán", là tiếng chiêu hồn của Nguyễn Du "*vàng vạc nổi thương đời*". Đó cũng còn là tiếng kêu thương, tiếng khóc của những mảnh đời bất hạnh, lam lũ mà hầu như ở thời nào cũng có: *Tiếng tủi cực kẻ ăn cầu ngủ quán; Tiếng ghen ngào như đời mẹ đắng cay.* Nhưng dù được nói ở đâu, trong tình cảnh nào, với cảm xúc ra sao (buồn, vui, căm giận, đau thương...) thì tiếng nói ấy vẫn là tiếng nói của mọi người dân Việt Nam - những người cùng máu đỏ da vàng. Những con người, thậm chí có lúc ở hai đầu chiến tuyến, nhưng cuối cùng vẫn quay về gặp nhau nơi đất mẹ Việt Nam và cùng nói tiếng nói của cha ông - tiếng Việt: *Ai phiêu bạt nơi chân trời góc biển/ Có gọi thầm tiếng Việt mỗi đêm khuya/ Ai ở phía bên kia cảm sủng khác/ Có cùng tôi trong tiếng Việt quay về.*

Tiếng Việt là tiếng nói của tình yêu, của lòng nhân ái. Tiếng nói ấy luôn ở quanh ta,

"*bốn bề thân thiết*". Ta như được sống trong môi trường tràn ngập âm thanh "nghe như hát" của cả một cộng đồng "chung tiếng Việt" cùng ta. Tiếng nói ấy ra đời cùng dân tộc Việt Nam và sống mãi cùng dân tộc Việt Nam.

3. Để diễn tả, tôn vinh thứ ngôn ngữ "nói thường nghe như hát" ấy, trong bài thơ "Tiếng Việt", nhà thơ Lưu Quang Vũ đã sử dụng các từ ngữ một cách có chọn lọc.

(i) Trước hết là việc sử dụng khá nhiều từ láy. Việc sử dụng các từ láy là từ tượng thanh có tác dụng to lớn khi miêu tả những âm thanh khác nhau góp phần tăng thêm nhạc điệu cho mỗi câu thơ và cho cả bài thơ. Ta hãy nghe âm thanh của những câu thơ chứa những từ láy đó: *Nghe xạc xào gió thổi giữa cau tre; Tiếng đập dồn nước lũ xoáy chân đê; Tiếng mưa dội ào ào trên mái cọ; Tiếng tha thiết, nói thường nghe như hát; Kể mọi điều bằng riu rít âm thanh; Tiếng nghen ngào như đời mẹ đắng cay; Tiếng trong trẻo như hồn dân tộc Việt*. Còn việc sử dụng những từ láy là từ tượng hình khiến cho những hình ảnh được miêu tả thêm sắc nét, sinh động: *Tiếng kéo gỗ nhọc nhằn trên bãi nắng; Nón ai xa thăm thẳm ở bên trời; Đá cheo leo trâu trèo trâu trượt; Ông tre ngà và mềm mại như tơ; Dấu huyền trầm, dấu ngã chêngh vêngh; Một đảo nhỏ xa xôi ngoài biển rộng; Tiếng thao thức lòng trai ôm ngọc sáng; Thành Nguyễn Du vàng vặc nỗi thương đời; Cao quý thâm trầm rực rỡ vui tươi; Tiếng Việt rung rinh nhịp đập trái tim người; Phá củi lòng vời vợi cánh chim bay; Trời xanh quá môi tôi hồi hộp quá*.

(ii) Ngoài từ láy, trong bài thơ "Tiếng Việt", nhiều từ ghép cũng được sử dụng, đặc biệt là các từ ghép song song. Đó là các từ: *nắm bắt, ân tình, thương mến, vẹn tròn, cao quý, tủi cực, vui tươi, đắng cay, giàu sang, thâm trầm, thô sơ*. Những từ thếp này làm tăng tính khái quát của các sự vật, hành động, tính chất được miêu tả.

(iii) Trong bài thơ này, nhà thơ còn sử dụng khá nhiều hình ảnh sinh động. Điều đặc biệt là

những hình ảnh ấy luôn đi liền với âm thanh, kết hợp với âm thanh một cách hài hòa, khăng khít. Nói cách khác, đây là bài thơ tràn ngập âm thanh và hình ảnh. Tác giả đã dùng nhiều lần từ "tiếng" để ghi lại âm thanh của cuộc sống và tiếng lòng của con người. Chẳng hạn: *Tiếng mẹ gọi trong hoàng hôn khói sầm/ Tiếng cha dặn khi vun cánh nhúm lửa/ Tiếng gọi đò sông vắng bến lau khuya/ Tiếng kéo gỗ nhọc nhằn trên bãi nắng/ Tiếng lụa xé đau lòng thoi sợi trắng/ Tiếng mưa dội ào ào trên mái cọ; Tiếng heo may gọi nhớ những con đường; Tiếng thao thức lòng trai ôm ngọc sáng; Tiếng tủi cực kẻ ăn cầu ngủ quán; Tiếng nghen ngào như đời mẹ đắng cay; Tiếng trong trẻo như hồn dân tộc Việt*. Thủ pháp điệp từ này rõ ràng có tác dụng nhấn mạnh âm thanh cần ghi lại, khắc sâu hình ảnh cần miêu tả; làm phong phú thêm, giàu có hơn khả năng biểu đạt của từ ngữ tiếng Việt.

(iv) Một đặc điểm khác đáng chú ý của bài thơ này là tác giả đã dùng khá nhiều cụm từ có cấu trúc đối xứng kiểu thành ngữ bốn âm tiết, như: *Tiếng cha dặn khi vun cánh nhúm lửa; Đi mòn đường đứt cổ đời người thương; Đây muối mặn gừng cay lòng khế xót; Vàng trắng cao đêm cá lặn sao mờ; Dưới cát vùi sóng đập chẳng hề nguôi; Tiếng tủi cực kẻ ăn cầu ngủ quán; Buồn lộng sóng xô mai về trúc nhớ; Ai phiêu dạt nơi chân trời góc biển; Quên nỗi mình quên áo mặc cơm ăn*. Việc sử dụng những cấu trúc đối xứng như trên vừa có tính chất khái quát về nội dung ngữ nghĩa vừa tạo nên sự cân đối, hài hòa, tăng thêm nhạc điệu cho câu thơ.

Có thể nói, bài thơ "Tiếng Việt" của nhà thơ Lưu Quang Vũ được biết bằng một thứ tiếng Việt đẹp và trong sáng. Các từ ngữ, hình ảnh được chọn lọc, trau chuốt và khá phong phú, đa dạng. Qua bài thơ này, chúng ta thấy Lưu Quang Vũ đã yêu tiếng Việt biết bao. Và, có thể nói, nhà thơ đã sử dụng tiếng Việt một cách điêu luyện để ngợi ca tiếng Việt.

(xem tiếp trang 10)

Tài liệu tham khảo

1. Fries, C.C. (1954), *Teaching and learning English as a foreign language*, University of Michigan Press.
2. J. F. M. GÉNBREL. (1898), *Dictionnaire Vietnamien-Francais, Từ điển Việt-Pháp*, Deuxième Édition. Saigon: Imprimerie de la mission à Tân Định.
3. Hornby, A.S. (1973), *The teaching of structural word and sentence patterns*, Oxford University Press.
4. Huỳnh Tịnh Paulus Của. (1895), *Đại Nam Quốc Âm tự vị*, TOME I. Saigon: Imprimerie REY, CURIOL & Cie, 4, Rue d'Adran, 4.
5. Huỳnh Tịnh Paulus Của. (1896), *Đại Nam Quốc Âm tự vị*, TOME II. Saigon: Imprimerie REY, CURIOL & Cie, 4, Rues Catinat & d'Ormay.
6. Lado, R. (1964), *Language teaching: A scientific approach*, Mc Graw-Hill.
7. Nguyễn Du (1820-1825), *Truyện Kiều*, Bản do Việt Chương chú giải, NXB Văn hóa thông tin in lại năm 2000.
8. Palmer, H. E. (1964), *The principles of language study*, Oxford University Press.
9. Philipphé Bình (1822), *Sách sổ sang chép các việc*. Viện Đại học Đà Lạt xuất bản bản chụp lại năm 1968.
10. Pierre Pigneaux de Béhaine Bá Đa Lộc Bì Nhu. (1772-1773), *Tự vị An nam Latinh – Dictionarium anamitico latinum*. Hồng Nhuệ và Nguyễn Khắc Xuyên dịch và giới thiệu. Nhà xuất bản trẻ in lại năm 1999.
11. Trần Thị Mĩ & Nguyễn Thiện Nam (1981), *Một vài nhận xét về cách dùng các từ "một, phôi, thay, thấy, cả và v.v... trong văn xuôi cuối thế kỉ XIII đầu thế kỉ XIX (cứ liệu rút từ "Sách sổ sang chép các việc". Tạp chí Ngôn ngữ, số 1.*

Tài liệu dùng để khảo sát

1. Bon et Dronet (1889), *Manuel de conversation Franco – Tonkinois*. Sách dẫn đường nói truyện bằng tiếng Phalangsa và tiếng Annam. Tonkin Occidental: Ke-So Imprimerie de la mission.
 2. Édouard Diguët (1892), *Éléments de grammaire annamite* - Những yếu tố văn phạm tiếng Annam. Imprimerie National.
- (Ban Biên tập nhận bài ngày 05-09-2013)

CÓ MỘT BÀI THƠ HAY...*(tiếp theo trang 55)*

4. Cùng với bao âm thanh khác của cuộc sống, tiếng Việt, cái thứ tiếng gần gũi, thân thiết với mỗi chúng ta từ thuở ấu thơ, khi ta cất tiếng nói những từ đầu tiên trong đời, vẫn luôn vang ngân trong tâm hồn ta, lắng đọng trong tâm trí ta... Trong tương lai, chúng ta sẽ còn phải tiếp tục đi tìm cái hay, cái đẹp của tiếng Việt. Đồng thời, chúng ta cũng cần phê phán sự vay mượn lai căng, làm vẩn đục tiếng Việt. Chúng ta đồng cảm với Lưu Quang Vũ và cảm ơn nhà thơ đã nói giùm ta tình yêu tiếng Việt: *Ôi tiếng Việt suốt đời tôi mắc nợ/ Quên nổi mình quên áo mặc cơm ăn/ Trời xanh quá môi tôi hồi hộp quá/ Tiếng Việt ơi tiếng Việt ân tình.*

Tài liệu tham khảo

1. Mai Ngọc Chừ (1991), *Văn thơ Việt Nam dưới ánh sáng ngôn ngữ học*, Nxb ĐH và GDCN, Hà Nội.
 2. Hữu Đạt (1996), *Ngôn ngữ thơ Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
 3. Trịnh Đức Hiền (1994), *Mấy ý kiến xung quanh việc sử dụng thành ngữ tiếng Việt*, Nghiên cứu Đông Nam Á, số 1.
 4. Trịnh Đức Hiền (2006), *Từ vựng tiếng Việt thực hành*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
 5. Bùi Công Hùng (1983), *Góp phần tìm hiểu nghệ thuật thơ ca*, Nxb KHXH, Hà Nội.
 6. Nguyễn Trọng Khánh (2006), *Phân tích tác phẩm văn học trong nhà trường từ góc độ ngôn ngữ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
 7. Bùi Đình Khôi (2000), *Tiếng Việt, Ngôn ngữ và đời sống*, số 4 (54).
 8. Nguyễn Đức Nam (chủ biên, 1985), *Thơ Việt Nam 1945 - 1985*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
 9. Nguyễn Xuân Nam (1985), *Thơ - tìm hiểu và thưởng thức*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội.
 10. Xuân Quỳnh - Lưu Quang Vũ (2007), *Thơ*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
- (Ban Biên tập nhận bài ngày 05-09-2013)